

Số: 987/QĐ-SYT

Điện Biên, ngày 24 tháng 10 năm 2022



QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt Danh mục, Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu,
gói thầu mua sắm thiết bị nghề Điều dưỡng Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ - CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ, V/v quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính, Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ Y tế, quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh Điện Biên, V/v ban hành quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội; phân cấp quản lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Theo đề nghị của Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên tại Tờ trình số 470/TTr-CDYT ngày 13/10/2022; Báo cáo thẩm định số 96/BC-KHTC ngày 20/10/2022 của Phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục, Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm thiết bị nghề Điều dưỡng Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên, với các nội dung như sau:

I. Danh mục, dự toán mua sắm

1. Tên kế hoạch mua sắm: Mua sắm thiết bị nghề Điều dưỡng Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên.

2. Tổng kinh phí Dự toán mua sắm: 2.984.026.000 đồng.

Trong đó:

- Chí phí mua sắm thiết bị: 2.964.696.000 đồng.
- Chí phí thẩm định giá: 10.000.000 đồng.
- Chí phí Tư vấn: 9.000.000 đồng.
- Chí phí đăng báo đấu thầu: 330.000 đồng.

3. Nguồn vốn: Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm an toàn lao động và Nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên.

4. Tên chủ đầu tư: Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên.

5. Thời gian thực hiện mua sắm: Năm 2022.

6. Địa điểm đầu tư: Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên.

7. Số lượng danh mục và dự toán chi tiết: Chi tiết theo biểu phụ lục đính kèm.

II. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Chi tiết theo biểu phụ lục đính kèm.

Điều 2. Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên tiếp thu và hoàn thiện theo ý kiến thẩm định của Phòng Kế hoạch - Tài chính tại Báo cáo thẩm định số 96/BC-KHTC ngày 20/10/2022; Chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Giao Thanh tra Sở Y tế và Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Y tế chịu trách nhiệm tổ chức giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu được giao theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trưởng các phòng chức năng Sở Y tế; Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- L/đ Sở Y tế;
- KBNN tỉnh Điện Biên;
- Lưu: VT, KHTC.



Phạm Giang Nam

BIỂU KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 987/QĐ-SYT ngày 24/10/2022 của Sở Y tế Điện Biên)

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Tư vấn lập HSMT và đánh giá HSDT	6.000.000	Nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên	Chi định thầu	Quy trình rút gọn	Quý IV năm 2022	Trọn gói	20 ngày
2	Tư vấn thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu	3.000.000		Chi định thầu	Quy trình rút gọn		Trọn gói	20 ngày
3	Mua sắm thiết bị nghề Điều dưỡng Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên	2.964.696.000	Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm an toàn lao động	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ		Trọn gói	60 ngày
Tổng giá trị các phần công việc: 2.973.696.000 đồng								

BIỂU CHI TIẾT GIÁ TRỊ TƯ VẤN

(Kèm theo Quyết định số: 987/QĐ-SYT ngày 24/10/2022 của Sở Y tế)

ĐVT: đồng

TT	Chi phí	Giá trị thiết bị trước thuế	Tỷ lệ %	Giá trị trước thuế	Thuế VAT	Thành tiền
1	Lập HSMT	2.727.272.727	0,10%	2.727.273	272.727	3.000.000
2	Đánh giá HSĐT	2.727.272.727	0,10%	2.727.273	272.727	3.000.000
3	Thẩm định HSMT	2.727.272.727	0,05%	1.363.636	136.364	1.500.000
4	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	2.727.272.727	0,05%	1.363.636	136.364	1.500.000
Tổng cộng						9.000.000

PHỤ LỤC DANH MỤC THIẾT BỊ

(Kèm theo Quyết định số: 987/QĐ-SYT ngày 24/10/2022 của Sở Y tế Điện Biên)

ST T	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượn g	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	<p>Bộ dụng cụ đặt nội khí quản khó có màn hình Camera Cung cấp bao gồm - Máy chính: 01 cái - Màn hình theo dõi: 01 cái - Lưỡi gồm: 05 cái - 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng</p> <p>Đặc tính kỹ thuật - Thiết bị soi thanh quản qua video dụng cụ được sử dụng để hỗ trợ đặt nội khí quản, ống soi thanh quản cứng và giữ cố định vị trí giải phẫu cho phép nhìn rõ thanh quản và lối vào khí quản. - Thiết bị được kết hợp với nguồn sáng (LED) và camera thu nhỏ (camera) giúp quan sát thanh quản trong quá trình nội soi. Hình ảnh được hiển thị trên màn hình LCD (màn hình) đặt trong máy giám sát được gắn vào tay cầm của thiết bị. - Pin McGRATH™ MAC 3.6V (pin) được gắn trong tay cầm giúp cung cấp năng lượng cho màn hình, máy ảnh và đèn LED - Lưỡi soi bọc ngoài camera và cụm đèn LED (CameraStick™) để tránh tiếp xúc trực tiếp với bệnh nhân. - Lưỡi soi được cung cấp vô trùng và sử dụng một lần. - Môi trường sử dụng thiết bị bao gồm: bệnh viện, cơ sở y tế, vận chuyển trong bệnh viện, các ứng dụng y tế khẩn cấp di động bao gồm cả vận chuyển trên mặt đất và trên không, xe cứu thương đường bộ, máy bay cố định và máy bay trực thăng. - Có khả năng quan sát được dây thanh âm trong các quy trình y tế, điển hình là soi thanh quản. - Cung cấp hình ảnh của hầu họng và thanh quản cho quá trình nội soi thanh quản nói chung và hỗ trợ trong việc bảo vệ đường thở - Nguồn cấp bên trong: Pin lithium McGRATH™ 3.6 V cho 250 phút - Nguồn ánh sáng: LED - Hiển thị: Màn hình màu 2.5" LCD - Camera: CMOS - RFID: Tần số truyền: 13,56 MHz Công suất đầu ra: 70mW - CISPR: CISPR 11 Nhóm 1 Lớp B - Nhiệt độ của thiết bị khi vận hành: 10°C (50°F) tới 40°C (104°F) - Áp suất khí quyển: 620 hPa tới 1060 hPa - Độ ẩm tương đối: 10% tới 95% (không ngưng tụ)</p>	Cái	1	84.860.000	84.860.000
2	<p>Máy hút dịch 2 bình Cung cấp bao gồm - Máy chính: 01 cái - Bình hút dịch: 02 cái - Bàn đạp chân: 01 cái - Dây nguồn: 01 bộ - 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng</p> <p>Đặc tính kỹ thuật - Khả năng hút và chân không tối đa được tích hợp trong vòng vài giây, bánh xe chống tĩnh điện có phanh. Hệ thống MPR (Multi Purpose Rail) nâng cao tính linh hoạt dễ dàng và nhanh chóng trao đổi các phụ kiện khác nhau mà không cần dụng cụ,</p>	Cái	4	35.141.000	140.564.000

ST T	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượn g	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
	kết nối, tất cả các phụ kiện có thể dễ dàng lắp đặt các vòng có đường kính khác nhau để vừa với các lọ khác nhau - Giá đỡ ống thông hoặc thanh ray bằng thép không gỉ y tế để móc bất kỳ loại phụ kiện nào khác bằng kẹp, bên cạnh van tích hợp trong bình và bộ lọc - Mô tơ không dầu - Nguồn: 230 VAC – 50- 60Hz - Áp lực tối đa -0.90 bar -90 kPa -675 mmhg - Tốc độ dòng khí : 90 l / phút - Mức ồn: 46,4 dBA - Chu kỳ hoạt động không ngừng				
3	Máy nhỏ giọt thức ăn vào dạ dày Cung cấp bao gồm <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái - Dây nguồn: 01 bộ - Dây cho ăn: 01 cái - 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng Đặc tính kỹ thuật <ul style="list-style-type: none"> - Máy bơm cho ăn đường ruột dễ dàng được lập trình để cung cấp cho bệnh nhân việc cho ăn liên tục hoặc gián đoạn và có thể cung cấp khả năng xả nước tự động khi được sử dụng với túi cho ăn đôi có túi cho ăn và túi đựng nước. Giao diện người dùng: <ul style="list-style-type: none"> • Giao diện người dùng trực quan • Màn hình LCD lớn, có đèn nền • Nhắc nhở từng bước để hướng dẫn lập trình và vận hành • Màn hình LED dừng trực quan cho biết trạng thái bơm trong phòng sáng hoặc tối Trạng thái hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> • Hoạt động yên tĩnh • Thiết kế nhỏ gọn, di động • Có thể để trên bàn, gắn cọc IV hoặc bỏ vào ba lô • Nhận diện các bộ tuis cho ăn dễ dàng • Cửa bên trong suốt để bảo vệ bộ dây bơm ăn • Tay cầm tích hợp để vận chuyển dễ dàng Tính năng, đặc điểm: <ul style="list-style-type: none"> • MISTIC (Đầu nối nhận dạng loại bộ thông minh từ tính) Hệ thống nhận dạng túi cho ăn đơn và túi cho ăn đôi giúp giao diện người dùng chính xác với bộ túi được sử dụng • Hệ thống chống chảy tự do (AFF) tự động • Báo động âm thanh để báo lỗi hoặc Bơm Đạt điều kiện tải • Thiết kế độc lập định hướng giúp loại bỏ sự cần thiết của buồng nhỏ giọt trên bộ máy bơm • Công nghệ cảm biến phát hiện cả điều kiện dòng chảy ngược và xuôi dòng • Thức ăn liên tục, thức ăn không liên tục và khả năng xả nước • Tính năng tự động chính giúp giảm thời gian đuổi khí • Giữ tính năng với khởi động lại và tính năng Giữ ống mở (KTO) • Lưu trữ lịch sử cho ăn và xả nước 72 giờ trước đó • 15 ngôn ngữ • Cổng I / O nói tiếp để truy xuất dữ liệu và cập nhật phần mềm • Sử dụng Bộ pin NiMH có thể sạc lại, có thể sạc lại trong 15 giờ cho nguồn điện dự phòng 	Cái	2	53.600.000	107.200.000

ST T	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượn g	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
	<p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị loại tiêm truyền: Đo thể tích - Cơ chế bơm: Nhu động quay - Tốc độ cho ăn: 1-400 mL/hr tăng từng ml - Dung tích cho ăn: 1-3000 mL tăng từng ml - Dung tích cho ăn ngắt quãng: 1-3000 mL tăng từng ml - Số lần cho ăn ngắt quãng : 1-99 - Thời gian cho ăn: 1-24 giờ tăng từng giờ - Tốc độ truyền nước: 10-500 mL tăng từng ml - Khoảng cho dùng nước: 1-24 giờ tăng từng giờ - Độ chính xác: $\pm 10\%$ hoặc 0.5 mL/hr, cái nào lớn hơn, với đáy túi ở 46 cm (18) trên đỉnh bơm, ở nhiệt độ phòng $22^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$ ($72^{\circ}\text{F} \pm 3^{\circ}\text{F}$), sử dụng bộ máy bơm mới. - Áp lực nén: 15 psi (103 kPa) trên lý thuyết - Kích cỡ cao: 16.8 cm (6.6") Rộng: 16.3 cm (6.4") Sâu: 11.7 cm (4.6") - Trọng lượng: 1.1 kg (2.4 lbs), 1.2 kg (2.7 lbs) với bộ gài lên cọc truyền - Chất liệu vỏ máy: ABS/Polycarbonate pha lẫn - Cửa khu đặt bộ dây: Polyester/ Polycarbonate pha lẫn - Nguồn điện: Sử dụng bộ chuyển đổi AC để sử dụng với ổ cắm điện sih hoạt trên tường. Bơm hoạt động trên pin 9V - Pin: Bộ pin NiMH được sạc đầy, cung cấp ≥ 15 giờ với tốc độ nạp 100 ml / giờ.Khoảng 15 phút trước khi xả hết pin, sẽ xảy ra báo động pin yếu (xem phần phụ Pin trong phần VI). Khi xả hoàn toàn xảy ra, máy bơm sẽ tự động tắt. Pin sẽ sạc liên tục bất cứ khi nào máy bơm được cắm vào ổ cắm trên tường. Cần 08 giờ sạc để sạc đầy pin. - Âm báo động: Tối thiểu 70 dBA ở 1 mét theo hướng âm lượng tối đa - Nhiệt độ hoạt động: $10^{\circ} - 40^{\circ}\text{C}$ ($50^{\circ} - 104^{\circ}\text{F}$) 75% độ ẩm. không ngưng tụ - Nhiệt độ bảo quản: $0^{\circ} - 50^{\circ}\text{C}$ ($32^{\circ} - 122^{\circ}\text{F}$) 95% độ ẩm. không ngưng tụ - Loại bảo vệ khỏi giạt điện: Class II, Thiết bị hỗ trợ nội bộ - Mức độ bảo vệ chống sốc điện: Loại BF - Chế độ hoạt động: Liên tục hoặc ngắt quãng bằng cách cài đặt - Mức độ chống nước : Drip-proof-IPX1 				
4	<p>Máy đo nồng độ bão hòa Oxy trong máu SpO2 cầm tay Cung cấp bao gồm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính : 01 cái - Đầu dò cảm biến SpO2: 1 cái. - Bộ chuyển đổi điện adapter và dây nguồn: 01 cái. - Pin lắp sẵn trong máy - 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng <p>Đặc tính kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình màu cảm ứng ≥ 4.3 inch - Điều chỉnh độ sáng màn hình ≥ 5 mức - Kiểu cầm tay - Hiệu suất đo SPO2 chính xác ngay cả khi lưu lượng máu lưu thông ở mức thấp hoặc có cử động của bệnh nhân. - Phần mềm kết nối với máy tính để xem, phân tích - Thời gian làm việc liên tục lên đến 5 giờ với pin có thể sạc lại 	Cái	2	13.500.000	27.000.000

ST T	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượn g	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
	<ul style="list-style-type: none"> - Lưu trữ dữ liệu ≥ 168 giờ - Bộ sạc DC 5V với đầu cắm Micro – USB tiện lợi. Pin có thể sạc với cổng USB bên ngoài. - Thích hợp cho người lớn, trẻ em, trẻ sơ sinh. - Dải đo SpO₂: 0 ~ 100% - Độ phân giải: 1% - Độ chính xác (70 ~ 100%): người lớn/trẻ em: $\leq \pm 2\%$. Trẻ sơ sinh: $\leq \pm 3\%$ - Thời gian làm mới giá trị đo: 1 giây/thời gian - Độ chính xác (0 ~ 69%): Không xác định - Chỉ số tưới máu: 0.05 ~ 20% - Dải đo nhịp tim: ≤ 25 đến ≥ 250 nhịp/phút - Độ phân giải: ± 1 nhịp/phút - Độ chính xác: $\leq \pm 2$ nhịp/phút - Báo động SpO₂ cao, thấp và đưa ra các cảnh báo bằng thông báo - Thời gian đặt độ trễ của báo động: tắt, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, hoặc 8 giây - Mức âm lượng báo động: ≤ 0 đến ≥ 9 - Pin: Kiểu pin Li-ion 3.7V, 4400mAh - Thời gian chạy liên tục: ≥ 5 giờ - Thời gian sạc đầy: ≤ 4 giờ 				
5	<p>Máy tiêm tĩnh mạch Cung cấp bao gồm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái - Dây nguồn: 01 bộ - 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng <p>Mô tả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tích hợp bàn phím số - Cài đặt nhanh chóng và dễ dàng - Màn hình LCD. Hiện thị thông tin <p>Tính năng</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tự động kiểm tra máy sẽ tự động kiểm tra khi khởi động ▪ K.V.O(Keep Vein Open) <p>Khi thể tích truyền đã gần đạt được, tốc độ truyền sẽ tự động chuyển sang K.V.O (điều chỉnh từ 1ml/h-10ml/h).</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Chức năng khóa phím Bàn phím sẽ khóa với mặt khẩu hoặc không mặt khẩu. ▪ Cài đặt truyền dịch Tốc độ truyền/ dung tích truyền/ thời gian truyền ▪ Hiện thị thời gian còn lại Máy sẽ hiển thị thời gian truyền còn lại trên màn hình ▪ Chức năng lặp lại báo động <p>Nếu gặp sự cố, máy sẽ lặp lại báo động cho sự cố đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Hệ thống mở Có thể cài đến 10 IV cho các hãng khác nhau trên 1 máy ▪ Cấp độ rung 3 mức ▪ Mức độ cảnh báo tắc nghẽn 9 mức (3.8 – 19.3psi) ▪ Tốc độPurge 0.1-1200 ml/h ▪ Tốc độBolus Bật/ tắt, điều chỉnh(0.1-1200 ml/h, 0.1-1000ml) ▪ Xem lại lịch sử Hiện thị tối đa 10 dữ liệu truyền cuối cùng ▪ Chế độ liều dùng(tùy chọn) <p>Tự động tính toán và thiết lập tốc độ dòng chảy phù hợp</p>	Cái	2	23.805.000	47.610.000

ST T	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượn g	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tự động nhận ống tiêm Tự động chọn đúng kích thước ống tiêm ▪ Gọi y tá (tùy chọn) Có thể kết nối được với hệ thống gọi y tá.(DC 24V, 0,5A) ▪ Chế độ hồ sơ (tùy chọn) <p>Điều kiện truyền dịch (tốc độ truyền, dung tích truyền, thời gian truyền) khác nhau mỗi giờ, lên đến 24 giờ</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Hệ thống trung tâm (tùy chọn) <p>Kết nối với PC để theo dõi tập trung</p> <p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải tốc độ truyền: Ống 10ml: 0.1 – 300ml. Ống 20ml: 0.1 – 400ml. Ống 30ml: 0.1 – 500ml. Ống 50ml: 0.1 – 1200ml - Thể tích truyền 0.1 – 1000ml - Tổng thể tích truyền 1 – 1000ml - Sai số: ± 3% trên ống tiêm được duyệt ± 1% on mechanism - Báo động: Tắc, chế độ chờ, K.V.O (khi đã truyền hết) gần hết, thuốc, pin yếu, thiết bị trục trặc, bơm tiêm bị tháo ra, kẹt/ lấy cán/ trượt bị tháo. - Khối lượng: Xấp xỉ 2.5Kg (bao gồm pin sạc gắn trong) - Kích thước: 220 x 130 x 108(mm) - Công suất: 18VA - Nguồn điện: AC110/230V, 50/60Hz hoặc DC9.6V, DC12V/24V, 2A - Loại pin: Có thể sạc - Thời gian sử dụng: 2h tại 125ml/h - Thời gian sạc: 6h - Môi trường hoạt động: 5~40 độ C 30~85% RH (không ngưng tụ) - Môi trường bảo quản: -20~45 độ C 10~95% RH (không ngưng tụ) 				
6	<p>Máy truyền dịch Cung cấp bao gồm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái - Dây nguồn: 01 bộ - 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng <p>Mô tả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tích hợp bàn phím số - Cài đặt nhanh chóng và dễ dàng - Hai màn hình riêng biệt - Màn hình FND hiển thị số rõ ràng. - Màn hình màu LCD hiển thị thông tin chi tiết <p>Tính năng</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tự động kiểm tra: Máy sẽ tự động kiểm tra khi khởi động ▪ K.V.O(Keep Vein Open): Khi thể tích truyền đã gần đạt được, tốc độ truyền sẽ tự động chuyển sang K.V.O (điều chỉnh từ 1ml/h-10ml/h). ▪ Chức năng khóa phím: Bàn phím sẽ khóa với mật khẩu hoặc không mật khẩu. ▪ Cài đặt truyền dịch: Tốc độ truyền/ dung tích truyền/ thời gian truyền ▪ Hiển thị thời gian còn lại: Máy sẽ hiển thị thời gian truyền còn lại trên màn hình ▪ Chức năng lặp lại báo động: Nếu gặp sự cố, máy sẽ lặp lại báo động cho sự đổ đó. 	Cái	2	24.840.000	49.680.000

ST T	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượn g	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hệ thống mở: Có thể cài đến 10 IV cho các hãng khác nhau trên 1 máy ▪ Cấp độ rung: 3 mức ▪ Mức độ: cảnh báo tắc nghẽn 9 mức (4,5 – 14,5psi) ▪ Tốc độ Purge: 1-1000 ml/h ▪ Tốc độ Bolus: Bật/ tắt, điều chỉnh(1-1000 ml/h, 1-9999ml) ▪ Xem lại lịch sử: Hiện thị tối đa 10 dữ liệu truyền cuối cùng ▪ Chế độ liều dùng (tùy chọn): Tự động tính toán và thiết lập tốc độ dòng chảy phù hợp ▪ Cảm biế đêm giọt(tùy chọn): Lựa chọn thêm chức năng đến giọt ▪ Gọi y tá (tùy chọn) :Có thể kết nối được với hệ thống gọi y tá.(DC 24V, 0,5A) ▪ Chế độ hồ sơ (tùy chọn): Điều kiện truyền dịch (tốc độ truyền, dung tích truyền, thời gian truyền) khác nhau mỗi giờ, lên đến 24 giờ ▪ Hệ thống trung tâm (tùy chọn): Kết nối với PC để theo dõi tập trung <p><u>Thông số kỹ thuật</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải tốc độ truyền: 0.1 – 1000ml - Thể tích truyền: 1 – 9999ml - Tổng thể tích truyền: 1 – 9999ml - Sai số: ± 5% on approved IV set ± 2% on mechanism - Báo động: Khí trong dây truyền, Tắc nghẽn, lỗi truyền (hết dịch), hoàn tất việc truyền dịch, cửa mở, pin yếu và các hư hỏng khác của máy - Khối lượng: Xấp xỉ 3.5Kg (bao gồm pin sạc gắn trong) - Kích thước: 100 x 190 x 250(mm) - Công suất: 40VA - Nguồn điện: AC110/230V, 50/60Hz hoặc DC9.6V,DC12V/24V, 2A - Loại pin: Có thể sạc - Thời gian sử dụng: 4h tại 125ml/h - Thời gian sạc: 6h - Môi trường hoạt động: 10~40 độ C 30~85% RH (không ngưng tụ) - Môi trường bảo quản: -10~45 độ C 10~95% RH (không ngưng tụ) 				
7	<p>Máy theo dõi người bệnh 5 thông số</p> <p><u>Cung cấp bao gồm</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái - Bộ Cấp ECG 5 điện cực: 01 cái - Miếng dán điện cực: 25 cái - Cảm biến và dây nối SPO2 : 01 cái - Bao đo và dây nối huyết áp không xâm lấn: 01 cái - Cảm biến nhiệt độ qua da: 01 cái - Bộ nguồn và cáp sạc pin : 01 cái - Pin sạc lại (gắn sẵn trong máy): 01 cái - 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng <p><u>Chức năng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình màu cảm ứng TFT 8.4 inch. - Tiêu thụ điện năng cực thấp - Thiết kế không sử dụng quạt nên không có tiếng ồn - Hiệu suất SpO2 cực kỳ chính xác, ngay cả khi có sự di 	Cái	2	56.000.000	112.000.000

ST T	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng g	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
	<p>chuyên, hoặc những nơi lưu lượng máu thấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện thị được chỉ số tưới máu, điều chỉnh âm lượng xung nhịp tim - Hỗ trợ cổng cắm USB giúp nâng cấp phần mềm và truyền dữ liệu - Thời gian làm việc liên tục lên đến 6 giờ với Pin lắp sẵn trong máy - Móc treo thông minh giúp máy có thể làm việc ở nhiều vị trí khác nhau. - Kết nối giám sát qua màn hình trung tâm. - Kết nối mở rộng: kết nối mạng qua cổng RJ45, báo gọi y tá, cổng USB <p>Tính năng kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước máy chính: 260 x 200 x 78 mm (RxCxD) - Cân nặng ≤ 1.8 kg cho cấu hình tiêu chuẩn - Màn hình hiển thị loại cảm ứng màu TFT LCD ≥ 8.4 inch - Độ phân giải: $\geq 800*600$ pixels. - $45 \leq$ Âm báo ≥ 85dB, âm báo phím, âm sóng QRS, âm PR - Khoảng cách âm báo: Tắt, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 giây. Cài đặt mặc định là 4 giây. - Thời gian tạm dừng âm báo: 1, 2, 3, 4, 5, 10, 15 phút hoặc vĩnh viễn - Lưu dữ liệu: ≥ 168 giờ. Độ phân giải: 1 phút - Báo động sự kiện sinh lý ≥ 200, báo động kỹ thuật ≥ 100 - Kết quả đo NIBP ≥ 1000 nhóm <p>Thông số SPO2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dải đo 0 ~ 100% - Độ phân giải hiển thị: 1% - Độ chính xác (70 ~ 100%): Người lớn/trẻ em: $\leq \pm 2\%$. Trẻ sơ sinh: $\leq \pm 3\%$ - Độ chính xác (0 ~ 69%): không xác định - Chỉ số tưới máu: 0.05 ~ 20% - Dải đo nhịp tim: 25 ~ 250 nhịp/phút <p>Thông số hô hấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đo: Trở kháng điện sinh học lồng ngực - Dải đo: Lead RA-LA, RA-LL, LA-RL, LL-RL - Trở kháng đường cơ sờ: 500 ~ 2000 Ω - Phạm vi trở kháng hô hấp: 0,2 ~ 3 Ω - Dải đo: 0 ~ 120 lần/phút - Tốc độ quét: 6.25, 12.5, 25 mm/s <p>Thông số ECG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu lead: 5 lead, I, II, III, aVR, aVL, aVF, V - Tốc độ quét: 12.5, 25, 50 mm/s - Bộ lọc: Chế độ chuẩn đoán: 0.05 ~ 100 Hz - Chế độ giám sát: 0.5 ~ 40 Hz - Chế độ phẫu thuật: 1 ~ 25 Hz - Dải đo nhịp tim: Người lớn: 15 ~ 300 nhịp/phút. Trẻ em/trẻ sơ sinh: 15 ~ 350 nhịp/phút - Hệ số triệt tín hiệu đồng pha CMRR > 100 dB - Bộ lọc nhiễu Notch 50/60Hz có thể mở hoặc tắt - Chở kháng chênh lệch đầu vào > 5 MΩ - Dải điện áp điện cực: ± 400mV - Thời gian làm mới đường cơ sờ < 5 giây sau khi khừ rung tim (ở chế độ làm việc theo dõi và phẫu thuật) - Tín hiệu chuẩn ≤ 1mV (peak – peak). Độ chính xác $\leq 3\%$ 				

ST T	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượn g	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
	<ul style="list-style-type: none"> - Dòng điện phát ở điện cực đo < 0.1 uA - Dòng điện dẫn tới điện cực < 1 uA Thông số NIBP - Phương pháp đo: Đo dao động tự động - Các chế độ làm việc: Bằng tay/tự động/ liên tục - Chế độ đo tự động 1/2/3/4/5/10/15/30/60/90/120/180/240/480 phút - Thời gian đo: 20 ~ 40 giây - Dải đo tâm thu: Người lớn: : 40 – 270 mmHg. Trẻ em: 40 – 200 mmHg - Dải đo tâm trương: Người lớn: 10 – 210 mmHg. Trẻ em: 10 – 160 mmHg - Dải đo trung bình: Người lớn: 20 – 230 mmHg. Trẻ em: 20 – 175 mmHg Thông số nhiệt độ - Phương pháp đo: Điện trở nhiệt - Chế độ hoạt động: Trực tiếp - Dải đo: 0 ~ 50⁰C - Độ chính xác: ≤ ± 0.1⁰ C - Tham số đo: T1, T2 và TD - Độ phân giải: 0.1⁰C - Pin: Kiểu pin Li-ion (4400mAh) - Thời gian sử dụng: 6 giờ - Thời gian sạc đầy: 4 giờ Nguồn điện: - Đầu vào: 100~240V (50/60Hz), - Đầu ra: DC 15V, 2.4A 				
8	<p>Máy điện tim Cung cấp bao gồm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính kèm theo phụ kiện tiêu chuẩn sau: + Giấy ghi: 01 cuộn + Lau đầu nhiệt: 01 cái + Cáp điện tim: 01 cái + Dây nguồn: 0 1 cái + Điện cực trước ngực, 3mm: 06 cái + Điện cực chi: 04 cái + Ấc qui khô: 0 cái - 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng <p>Đặc tính kỹ thuật</p> <p>Thu nhận tín hiệu điện tim:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mạch vào: được cách ly và bảo vệ để tránh sốc điện tim - Đạo trình điện tim: 12 đạo trình - Độ nhạy: 10 mm/mV ±2% - Điện trở vào: ≥ 20 MΩ - Hệ số lọc nhiễu: ≥ 100 dB - Điện áp bù: ≥ ±550 mV - Tần số đáp ứng: ít nhất 0.05 Hz đến 150 Hz (-3 dB) - Thời gian thu nhận tín hiệu điện tim (khi ghi tự động): ít nhất 10 đến 24 giây - Kiểm tra điện cực. <p>Xử lý tín hiệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ lấy mẫu phân tích: ≥500 mẫu/giây - Tốc độ thu thập mẫu: ≥8.000 mẫu/giây - Bộ lọc nhiễu xoay chiều: ít nhất 50/60 Hz 	Cái	2	57.618.000	115.236.000

ST T	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượn g	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
	<p>- Hằng số thời gian: $\geq 3.2s$</p> <p>- Bộ lọc cao tần: ít nhất 75, 100, 150 Hz</p> <p>- Bộ lọc nhiễu điện cơ: ít nhất 25, 35 Hz</p> <p>- Điện thế phát hiện nhỏ nhất: $\leq 20 \mu Vp-p$</p> <p>- Bộ lọc chống trôi: yếu 0.1 Hz (-20dB) mạnh 0.1 Hz (-34dB)</p> <p>Hiển thị:</p> <p>- Màn hình màu tinh thể lỏng</p> <p>- Kích thước: ≥ 5.7 inch</p> <p>- Độ phân giải: $\geq 320 \times 240$ điểm</p> <p>- Dạng sóng điện tim: ít nhất 12 đạo trình</p> <p>- Hiển thị dữ liệu: ít nhất 12 đạo trình sóng điện tim thông tin bệnh nhân, đặt chế độ ghi, chế độ hoạt động, nhịp tim, phức hợp QRS, thông báo lỗi, tiếp xúc điện cực và độ nhiễu.</p> <p>- Phương pháp: đầu in nhiệt</p> <p>- Mật độ in: ≥ 200 dpi (8dots/mm)</p> <p>- Khổ giấy: ≥ 110 mm</p> <p>- Số kênh: 3, 4, 6</p> <p>- Tốc độ giấy: 10, 12.5, 25, 50 mm/giây</p> <p>- Độ nhạy: 5, 10, 20 mm/mV</p> <p>- Dữ liệu ghi: ít nhất ghi loại chương trình, ngày tháng và thời gian, tốc độ giấy, độ nhạy, tên đạo trình, bộ lọc, tên bệnh viện, thông tin bệnh nhân (số ID, tên, giới tính, tuổi), đánh dấu thời gian, đánh dấu sự kiện, tuột điện cực và độ nhiễu.</p> <p>Phân tích điện tim:</p> <p>- áp dụng cho bệnh nhân: khoảng từ 3 tuổi trở lên</p> <p>- Thời gian phân tích: 5 giây</p> <p>- Mục tìm ra kết quả điện tim: ≥ 200.</p> <p>Nguồn điện, AC và DC:</p> <p>- AC: 220 V 50 Hz</p> <p>- DC: ắc quy trong có thời gian hoạt động ≥ 1 giờ.</p>				
9	<p>Mô hình tiêm bắp, tĩnh mạch cánh tay</p> <p>Cung cấp bao gồm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái - Dây truyền dịch: 01 bộ - Dây nguồn: 01 bộ - 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng <p>Đặc tính kỹ thuật</p> <p>Mô tả:</p> <p>- Máy bơm cho ăn đường ruột chính xác, dễ sử dụng được lập trình để cung cấp cho bệnh nhân việc cho ăn liên tục hoặc gián đoạn và có thể cung cấp khả năng xả nước tự động khi được sử dụng với túi cho ăn đôi có túi cho ăn và túi đựng nước.</p> <p>Giao diện người dùng:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giao diện người dùng trực quan • Màn hình LCD lớn, có đèn nền • Nhắc nhở từng bước để hướng dẫn lập trình và vận hành • Màng đèn LED dừng trực quan cho biết trạng thái bơm trong phòng sáng hoặc tối <p>Trạng thái hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hoạt động yên tĩnh • Thiết kế nhỏ gọn, di động • Có thể để trên bàn, gắn cọc IV hoặc bỏ vào ba lô • Nhận diện các bộ tuis cho ăn dễ dàng 	Cái	4	59.850.000	239.400.000

ST T	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
	<ul style="list-style-type: none"> • Cửa bên trong suốt để bảo vệ bộ dây bơm ăn • Tay cầm tích hợp để vận chuyển dễ dàng <p>Tính năng, đặc điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • MISTIC (Đầu nối nhận dạng loại bộ thông minh từ tính) Hệ thống nhận dạng túi cho ăn đơn và túi cho ăn đôi giúp giao diện người dùng chính xác với bộ túi được sử dụng • Hệ thống chống chảy tự do (AFF) tự động • Báo động âm thanh để báo lỗi hoặc Bơm Đặt điều kiện tải • Thiết kế độc lập định hướng giúp loại bỏ sự cần thiết của buồng nhỏ giọt trên bộ máy bơm • Công nghệ cảm biến phát hiện cả điều kiện dòng chảy ngược và xuôi dòng • Thức ăn liên tục, thức ăn không liên tục và khả năng xả nước • Tính năng tự động chính giúp giảm thời gian đuổi khí • Giữ tính năng với khởi động lại và tính năng Giữ ống mở (KTO) • Lưu trữ lịch sử cho ăn và xả nước 72 giờ trước đó • 15 ngôn ngữ <p>Dịch vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Công I / O nối tiếp để truy xuất dữ liệu và cập nhật phần mềm • Sử dụng Bộ pin NiMH có thể sạc lại, có thể sạc lại trong 15 giờ cho nguồn điện dự phòng • Dây nguồn có thể tháo rời <p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị loại tiêm truyền: đo thể tích - Cơ chế bơm: nhu động quay - Tốc độ cho ăn: 1-400 mL/hr tăng từng ml - Dung tích cho ăn: 1-3000 mL tăng từng ml - Dung tích cho ăn ngắt quãng: 1-3000 mL tăng từng ml - Số lần cho ăn ngắt quãng: 1-99 - Thời gian cho ăn: 1-24 giờ tăng từng giờ - Tốc độ truyền nước: 10-500 mL tăng từng ml - Khoảng cho dùng nước: 1-24 giờ tăng từng giờ - Độ chính xác: ±10% hoặc 0.5 mL/hr, cái nào lớn hơn, với đáy túi ở 46 cm (18) trên đỉnh bơm, ở nhiệt độ phòng 22 ° C ± 2 ° C (72 ° F ± 3 ° F) - Áp lực nén: 15 psi (103 kPa) - Nguồn điện: Sử dụng bộ chuyển đổi AC để sử dụng với ổ cắm điện sinh hoạt trên tường. Bơm hoạt động trên pin 9V DC, 1,5 Amps - Pin: Bộ pin NiMH mới, được sạc đầy, cung cấp ≥ 15 giờ với tốc độ nạp 100 ml / giờ. - Khoảng 15 phút trước khi xả hết pin, sẽ xảy ra báo động pin yếu (xem phần phụ Pin trong phần - Khi xả hoàn toàn xảy ra, máy bơm sẽ tự động tắt. Pin sẽ sạc liên tục bất cứ khi nào máy bơm được cắm vào ổ cắm trên tường. Cần 08 giờ sạc để sạc đầy pin - Âm báo động Tối thiểu 70 dBA ở 1 mét theo hướng âm lượng tối đa - Nhiệt độ hoạt động: 10° - 40° C (50° - 104° F) 75% độ ẩm. không ngưng tụ - Nhiệt độ bảo quản: 0° - 50° C (32° - 122° F) 95% độ ẩm. không ngưng tụ - Loại bảo vệ khỏi giật điện: Class II, Thiết bị hỗ trợ nội bộ - Mức độ bảo vệ chống sốc điện: Loại BF 				

ST T	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)									
	- Chế độ hoạt động: Liên tục hoặc ngắt quãng bằng cách cài đặt - Mức độ chống nước: Drip-proof-IPX1													
10	<p>Mô hình tiêm mông</p> <p>Cung cấp bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình chính: 01 cái - Máy hiển thị kết quả: 01 cái - Pin: 02 quả - Kệ đỡ: 01 cái - Bơm kim: 01 cái - Cáp kết nối: 01 cái - 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng <p>Đặc tính kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ mô phỏng tiêm bắp có dây đeo mô hình của mông phải với tất cả các mốc giải phẫu quan trọng để tiêm bắp (I.M.): mào chậu, gai chậu trước trên - Thiết bị điện tử được tích hợp cung cấp phản hồi đồ họa khi đào tạo kỹ thuật tiêm bắp, tiêm đúng cách sẽ tạo ra âm thanh và hình ảnh nghe nhìn phản hồi. - Các chế độ đào tạo và kiểm soát có sẵn để kiểm tra kết quả ngay lập tức hoặc sau khi hoàn thành một buổi đào tạo - Các mốc giải phẫu có thể sờ thấy - Hoạt động, bộ cục của màn hình, chế độ đào tạo (nút T), chế độ điều khiển (nút C) - Đường tiêm bắp(i.m.) tiêm vào cơ mông - Đèn trạng thái (LED đỏ) cho pin - Nút T (chế độ đào tạo) - Chỉ báo trạng thái (đèn LED màu vàng) cho nút T - Chỉ báo trạng thái (đèn LED màu vàng) cho nút C - Nút C (chế độ điều khiển) - Chỉ báo kết quả (đèn LED màu đỏ và xanh lục) - Tất cả các đèn LED sẽ sáng cho giai đoạn điều khiển chức năng khi chỉ báo trạng thái (đối với nút T) sáng lên, tín hiệu cho biết thiết bị đã sẵn sàng hoạt động - Chế độ đào tạo (nút T), sẽ ngay lập tức nhận được phản hồi trong khi thực hiện tiêm - Phản hồi tích cực (chỉ báo kết quả (LED xanh lục) đã thực hiện tiêm vào cơ một cách chính xác, - Phản hồi tiêu cực (chỉ báo kết quả (LED đỏ) + tín hiệu âm thanh) - Phản hồi tích cực (chỉ báo kết quả (LED xanh lục)) khi bạn đã thực hiện tiêm bắp tiêm đúng cách, - Phản hồi tiêu cực (chỉ báo kết quả (đèn LED màu đỏ)) khi bạn thực hiện tiêm sai cách. - Khi va chạm vào xương trong khi tiêm, sẽ ngay lập tức nhận được phản hồi tiêu cực (kết quả chỉ báo (LED đỏ) + tín hiệu âm thanh). <p>+ Chỉ báo kết quả</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th></th> <th>Chỉ báo kết quả (chế độ đào tạo)</th> <th>Chỉ báo kết quả (chế độ điều khiển)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tiêm / vị trí chính xác</td> <td>màu xanh lá</td> <td>màu xanh lá</td> </tr> <tr> <td>Tiêm / vị trí không</td> <td>không có tín hiệu</td> <td>màu đỏ</td> </tr> </tbody> </table>		Chỉ báo kết quả (chế độ đào tạo)	Chỉ báo kết quả (chế độ điều khiển)	Tiêm / vị trí chính xác	màu xanh lá	màu xanh lá	Tiêm / vị trí không	không có tín hiệu	màu đỏ	Bộ	4	119.800.000	479.200.000
	Chỉ báo kết quả (chế độ đào tạo)	Chỉ báo kết quả (chế độ điều khiển)												
Tiêm / vị trí chính xác	màu xanh lá	màu xanh lá												
Tiêm / vị trí không	không có tín hiệu	màu đỏ												

ST T	Tên thiết bị			Đơn vị tính	Số lượn g	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
	chính xác						
	Không đủ sâu	không có tín hiệu	màu đỏ				
	Tiêm vào xương	màu đỏ	màu đỏ				
	<p>- Thiết bị tự động tắt khi không được sử dụng trong khoảng thời gian hai phút, hoặc có thể tắt thủ công bằng cách nhấn đồng thời nút T và nút C.</p> <p>- Nguồn được cung cấp hai pin kiềm 1,5 V, loại AA / LR6 cho phép thời gian hoạt động lên đến 20 giờ</p> <p>+ Bộ cục của màn hình:</p> <p>- Đèn trạng thái (LED đỏ) cho pin</p> <p>- Nút T (chế độ đào tạo)</p> <p>- Chi báo trạng thái (đèn LED màu vàng) cho nút T</p> <p>- Chi báo trạng thái (đèn LED màu đỏ) cho nút C</p> <p>- Nút C (chế độ điều khiển)</p> <p>- Chi báo kết quả (đèn LED màu đỏ và xanh lục)</p> <p>- Tất cả các đèn LED sẽ nhấp nháy 5 lần để xác nhận chức năng.</p> <p>- Kiểm tra chức năng, thiết bị sẽ tự động chuyển sang chế độ đào tạo được xác nhận bởi chi báo trạng thái màu vàng</p> <p>- Đèn báo trạng thái màu vàng bên cạnh nút T sáng lên.</p> <p>- Thông tin xem vị trí và độ sâu của mũi tiêm đã được chọn chính xác hay chưa được đơn vị lưu tạm thời, nhưng chưa hiển thị.</p> <p>- Khi tiêm xong, nhấn nút C một để cho biết kết quả trạng thái màu vàng chi báo bên cạnh nút C sẽ nhấp nháy trong quá trình</p> <p>- Tiêm được tiêm vào cơ mông, hoặc vào cơ mông cơ nằm bên dưới thuốc tiêm có thể được thực hiện với bệnh nhân ở tư thế nằm ngửa hoặc nằm nghiêng.</p> <p>- Giải phẫu học chậu trước, mào chậu điểm mốc xương dễ dàng sờ thấy để xác định vị trí tiêm</p> <p>- Sờ nắn gai chậu trước với đầu ngón trỏ hoặc ngón giữa nằm ngang bụng sờ nắn mào chậu</p> <p>- Khử trùng vị trí tiêm và đâm kim thẳng góc góc 90 ° so với bề mặt cơ thể trước khi tiêm, kim tiêm được bảo vệ khỏi bất kỳ sự thay đổi vị trí nào khi hoàn tất</p>						
11	<p>Mô hình đa năng Cung cấp bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình chính: 01 cái - Tóc giả: 01 bộ - Dây thông tiêu: 01 cái - Bộ điện tử kiểm soát: 01 cái - Bộ phận sinh dục nam: 01 cái - Bộ phận sinh dục nữ: 01 cái - Miếng tiêm bấp: 02 cái - Răng giả: 01 bộ - Mặt nạ: 10 cái - Nẹp cổ: 01 cái - Túi đựng mô hình: 01 cái <p>01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng</p> <p>Đặc tính kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô phỏng bệnh nhân đa năng cung cấp thực hành trong một loạt các kỹ năng hô hấp nhân tạo và chăm sóc bệnh nhân - Chăm sóc chung - Khám phụ khoa 			Bộ	2	396.864.000	793.728.000

ST T	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý đường thở - Khám vú - Tiêm và truyền - Cắt ruột già và chăm sóc hậu môn - Cơ quan sinh dục ngoài có thể hoán đổi cho phép đặt ống thông cả nam và nữ - Ngực nam và nữ có thể hoán đổi cho nhau - Vú nữ trái chứa u ác tính - Cổ, cánh tay và chân có thể di chuyển, và da mặt, âm đạo và cổ tử cung mềm mại giống thật - Với đường thở chính xác về mặt giải phẫu và có thể đặt ống nội khí quản. - Phần mềm trên một máy tính để sử dụng với một hệ thống mô phỏng bệnh nhân tương tác phần mềm cũng có thể được cài đặt trên bất kỳ số lượng máy tính nào khác - Sinh viên có thể truy cập các tài nguyên học tập. Một bản sao của phần mềm có thể được tạo để sao lưu mục đích - Xác định được vị trí của ổ chứa dạ dày ở thân trên mô hình - Kiểm soát phản hồi của trình mô phỏng kết nối thông tin liên lạc - Màn hình khởi động được hiển thị trong khi phát hiện các tính năng giả lập. - Kết nối phần mở rộng của vòng bít huyết áp với đầu nối ở vai trái của giả lập. Đường thở chính xác về mặt giải phẫu để thực hiện đặt nội khí quản, thông gió và hút - Động mạch cảnh hai bên và mạch hướng tâm phải - Ép ngực và thông đường thở được đo lường và ghi lại - Động tử trái giãn ra - Cổ và hàm được khớp hoàn toàn - Vị trí tiêm ở cơ delta, cơ tứ đầu và bên trái mông - Ngực nam và nữ có thể hoán đổi cho nhau; trái vú phụ nữ có bệnh ác tính - Tập luyện tĩnh mạch cánh tay và bàn tay với tiêm bắp và tiêm dưới da - Cơ quan sinh dục nam và nữ để thực hiện thông tiểu - Vị trí phẫu thuật để mở khí quản - Đo huyết áp ở cánh tay trái sử dụng vòng bít - Khí quản, phế quản và phổi để đánh giá đường thở - Các bài tập thực rửa âm đạo và phết tế bào cổ tử cung với âm đạo và cổ tử cung thực tế - Đường thở của mô phỏng có thể được đặt nội khí quản qua lỗ mũi bên trái, khí quản và miệng - Thiết bị mô phỏng được cung cấp cùng với mở khí quản, xô khí quản có thể thay thế và đưa một ống mở khí quản có gắn thiết bị áp suất dương để quan sát sự tăng lên của lồng ngực. - Mô phỏng được trang bị động mạch cảnh hai bên và các xung hướng tâm bên phải. Các xung có thể được tạo thủ công bằng cách sử dụng bóp bóng nằm ở phía bên trái của mô hình. - Cánh tay phải tập luyện cho các bài truyền dịch, lấy máu, tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp, tầm soát lao và các bài tập tiêm dưới da. - Cánh tay và bàn tay có các rãnh tĩnh mạch, được gắn các ống cao su mềm để mô phỏng tính nhất quán của tĩnh mạch. Bao phủ cấu trúc tĩnh mạch là một lớp da vinyl trong mờ, mềm dẻo, có thể tháo rời và rửa được. 				

ST T	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượn g	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)												
	<p>- Vị trí tiêm bắp ở vùng cơ delta.</p> <p>- Mô phỏng các tĩnh mạch đầu, tĩnh mạch nền, tĩnh mạch trước khuỷu, tĩnh mạch quay và tĩnh mạch trụ.</p> <p>- Các vùng tiêm dưới da ở mặt bên của cẳng tay và mặt bên của cánh tay trên.</p> <p>- Hai tĩnh mạch ở mu bàn tay để biết thêm các kỹ thuật đào tạo tĩnh mạch.</p> <p>- Sử dụng cánh tay và bàn tay được kết nối với túi máu.</p> <p>- Răng và lưỡi có kích thước bình thường. Hàm răng giả trên và dưới có thể tháo rời. Lưỡi có thể di chuyển bên này sang bên kia.</p> <p>- Tai trái: bên trong tai chứa một ống tai mô phỏng có dung tích 10 ml để thực hành các bài tập bơm.</p> <p>- Mũi / miệng: cả hai đều được kết nối với dạ dày, mô phỏng việc cho ăn bằng ống và hút dạ dày.</p> <p>- Một bình chứa dạ dày (dung tích: 850 ml) được cung cấp với một lỗ mở để mở thông dạ dày.</p> <p>- Lỗ mũi có thể bị chèn ép để mô phỏng hô hấp nhân tạo.</p> <p>- Các khớp chắc khỏe và cử động sống động như thật. Mô phỏng uốn cong ở thắt lưng và cổ và hàm khớp.</p> <p>- Mô hình gồm một bộ phận sinh dục nữ và một bộ phận gắn vào cơ quan nam.</p> <p>- Tiêm bắp và tiêm dưới da trên cơ delta, cơ tứ đầu và vùng mông trên bên trái. Tất cả các miếng tiêm có thể dễ dàng tháo ra và thay thế.</p> <p>- Bộ chèn ngực nam và nữ có thể hoán đổi cho nhau. Ngực trái của phụ nữ có một khối u mô phỏng. Ngực bên phải của phụ nữ bình thường.</p> <p>- Hai vết loét chính xác về mặt giải phẫu</p> <p>- Giai đoạn đầu của loét, giai đoạn thâm nhiễm hoặc có mũ / nhiễm trùng sâu.</p> <p>- Phần thân trên với dạ dày và gan. Một cổng mở thông dạ dày, nằm gần thắt lưng, kết nối trực tiếp với dạ dày.</p> <p>- Các lỗ được điều chỉnh về mặt giải phẫu để mở thông ruột kết ngang, phẫu thuật cắt hồi tràng và cắt u nang trên.</p> <p>- Thực hành vệ sinh lỗ mở, xử lý các tình trạng xung quanh vị trí và đắp túi hậu môn dùng một lần hoặc vĩnh viễn vào các lỗ mở.</p> <p>+ Thẻ tích chứa tối đa:</p> <table border="1" data-bbox="299 1442 840 1637"> <thead> <tr> <th>Khoang chứa</th> <th>Thẻ tích</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Dạ dày</td> <td>750 ml</td> </tr> <tr> <td>Bàng quang</td> <td>1800 ml</td> </tr> <tr> <td>Trực tràng</td> <td>1800 ml</td> </tr> <tr> <td>Thông hồi tràng</td> <td>650 ml</td> </tr> <tr> <td>Ống tai</td> <td>10 ml</td> </tr> </tbody> </table> <p>- Các ngón tay và ngón chân của mô hình được tách ra để cho phép thực hiện các bài tập băng bó. Bề mặt mô hình nhẵn và có khả năng chống thấm nước, dầu.</p> <p>- Đầu có mắt mở và đóng cho phép thực hiện các bài tập sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Quản lý thuốc ở mắt vào túi kết mạc • Loại bỏ các dị vật • Rửa mắt <p>- Đầu của mô hình được cung cấp một bộ tóc giả, cho phép hướng dẫn cách chải, gội đầu và quấn đầu.</p> <p>- Hai chân khớp với nhau để cho phép thực hiện các bài tập</p>	Khoang chứa	Thẻ tích	Dạ dày	750 ml	Bàng quang	1800 ml	Trực tràng	1800 ml	Thông hồi tràng	650 ml	Ống tai	10 ml				
Khoang chứa	Thẻ tích																
Dạ dày	750 ml																
Bàng quang	1800 ml																
Trực tràng	1800 ml																
Thông hồi tràng	650 ml																
Ống tai	10 ml																

ST T	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
	<p>thực thảo với thiết bị mô phỏng trên lưng. Thuốc xô được đưa vào với một vòi hậu môn có đường kính nhỏ. Dung tích bình chứa thuốc xô khoảng 750 ml.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô phỏng bàng quang và cơ quan sinh dục nữ để thực hành thủ thuật đặt ống thông tiểu. - Sử dụng lỗ mở trên khớp mu để làm đầy bàng quang và một ống thông 18 Fr để rút chất lỏng. - Thực hiện các bài tập đặt ống thông tiểu nữ với nút nối niệu đạo, thực hành đặt ống thông tiểu, tách vùng môi âm hộ để kiểm tra độ mở của niệu đạo. Mô phỏng thực tế âm hộ cũng cho phép hướng dẫn cách vô trùng và khử trùng. - Thông tiểu nam: Thông ở tư thế thẳng đứng hoặc nằm nghiêng. - Mô phỏng thực tế của cơ quan sinh dục nam cũng cho phép hướng dẫn cách vô trùng và khử trùng. - Bộ ngực, núm vú và quầng vú có đặc điểm như thật. Các u nang và khối nằm trong vú có kết cấu khác biệt, hữu ích trong việc nhận biết các tình trạng bình thường và bất thường ở vú. - Tính năng Kiểm tra Vú bao gồm một chiếc áo lót bằng nhựa vinyl mềm với bảy miếng lót ngực có thể hoán đổi cho nhau. - Miếng ngực 1: Thể hiện và thực hành chuyển động của tuyến vú trên bề mặt cơ chính của bầu ngực, cơ nằm ngay dưới vú. - Miếng ngực 2: Bầy nốt ở một bên, một nốt lớn hơn ở phía bên kia, và một vùng lõm kín xung quanh núm vú. Vú này đại diện cho các giai đoạn khác nhau của bệnh xơ nang do mất cân bằng nội tiết và có thể gặp ở nhiều phụ nữ bình thường. Có thể sờ thấy nốt lớn hơn như một nốt cứng hoặc một khối u nang hoặc sưng tấy. - Miếng ngực 3: Có một khối u đơn ở dưới vú. Nó được bao quanh và có một cuống. Khối u có thể di chuyển và không dính vào mô vú. Nó lành tính và thường xảy ra ở phụ nữ trẻ hơn. - Miếng ngực 4: Vú này cho thấy núm vú bị thực vào và khi sờ nắn cẩn thận, có thể sờ thấy một khối ngay dưới núm vú. Vú này đại diện cho một ung thư biểu mô ở một trong các ống dẫn sữa và cũng cho thấy hiệu ứng "da cam" trên toàn bộ vùng núm vú. Gắn Velcro trên núm vú vào Velcro ở mặt trong của da. - Miếng ngực 5: Vú bên dưới cho thấy một khối u tương đối hiếm nhưng dễ sờ thấy: một khối ung thư mô liên kết lớn (hoặc u cơ tuyến vú lớn) trong đó có thể dễ dàng sờ thấy và nhìn thấy các khối lớn nhất (khối lớn nhất ở dạng loét). - Miếng ngực 6: Đây là dạng ung thư vú (ung thư biểu mô hình thoi) là một trong những khối u ác tính thường gặp ở vú. Khi sờ nắn, cần lưu ý tính chất thâm nhiễm. Nó không có đường viền rõ ràng và không thể di chuyển trong vú. - Miếng ngực 7: Bản sao của hệ thống dẫn lưu bạch huyết của vú trái phác thảo các con đường khác nhau mà các khối u vú di căn. Đường phụ, đường dưới da và đường bên trong tuyến vú được thể hiện và dễ dàng sờ thấy. Ban đầu, người hướng dẫn có thể thấy đáng giá khi khám và sờ nắn các vú bệnh lý khác nhau mà không có dây đeo băng yếm. Dây đeo phải được kéo qua thân, chú ý sao cho nó đúng tâm để không bị "kéo" quá mức về phía bên trái hoặc bên phải. - Xung sờ thấy: Có thể lập trình được, có thể sờ thấy xung xuyên tâm khi áp suất vòng bút nhỏ hơn huyết áp tâm thu đã chọn. - Âm thanh Korotkoff, K1 đến K4 (K5 là khoảng lặng) có thể 				

ST T	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượn g	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
	<p>nghe được giữa áp suất tâm thu và huyết áp tâm trương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tùy thuộc vào nhịp tim đã chọn và tốc độ xì hơi của vòng bít, âm thanh Korotkoff sẽ tự động điều chỉnh. - Âm thanh sẽ tự động tắt tiếng nếu khoảng trống nghe tim được bật. - Mô hình hoạt động với một vòng bít huyết áp đã được sửa đổi. Kết nối phần mở rộng vòng bít BP với bảng điều khiển của cánh tay trước khi sử dụng. Sử dụng ống nghe thông thường để nghe âm thanh của Korotkoff ở vùng trước mắt. - Đào tạo CPR được tích hợp trong bộ điều khiển được thiết kế để dạy hô hấp nhân tạo bằng cách theo dõi nhịp và độ sâu của ép tim và thông khí đường thở trong thời gian thực. - Đồ họa phản hồi: Theo dõi và đánh giá độ sâu và nhịp độ của quá trình ép tim và thổi ngạt trong thời gian thực. - Cài đặt hiện tại: Cài đặt hiện tại được liệt kê ở giữa màn hình. Cài đặt sẽ phản ánh thông tin đã lưu trong phiên trước đó. <ul style="list-style-type: none"> • Chế độ hoạt động CPR: Chế độ TEST hoặc COACH • C: V Ratio: tùy chỉnh tỷ lệ ép tim và thổi ngạt để phù hợp với các hướng dẫn chính xác • Tốc độ ép / thổi ngạt: điều chỉnh số lần ép và thổi ngạt mỗi phút • Hiệu chỉnh: hiệu chỉnh cảm biến áp suất trong trình mô phỏng • BP Arm: có quyền truy cập vào menu Hệ thống huyết áp (Tùy chọn) 				
12	<p>Mô hình đặt ống thông dạ dày Cung cấp bao gồm</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mô hình chính: 01 cái • Kệ cứng: 01 cái • 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng <p>Đặc tính kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mô hình bao gồm các cấu trúc giải phẫu của mũi, miệng, hầu, khí quản, thực quản và dạ dày. • Sinh viên có thể quan sát toàn bộ quá trình đặt ống thông nuôi ăn hoặc các ống thông khác qua mũi hoặc miệng, qua thực quản và vào dạ dày. • Có lỗ mở khí quản trên mô hình, qua đó mô tả được việc hô hấp qua ống nội khí quản. 	Cái	3	5.600.000	16.800.000
13	<p>Mô hình hồi sinh tim phổi Cung cấp bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình bán thân người trưởng thành: 01 cái - Phần mềm theo dõi và tính điểm (cài sẵn trong máy tính): 1 bộ - Máy tính xách tay: 01 cái - Áo cho mô hình: 01 cái - Phổi thay thế: 01 bộ - Mặt nạ: 01 bộ - Bóng bóp ambu: 01 cái - Bóng bóp kiểm tra động mạch cảnh: 01 cái - Cáp nối USB: 01 cái - Túi xách đựng mô hình: 01 cái - 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng <p>Đặc tính kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình bán thân người trưởng thành với hệ thống điện tử để 	Bộ	2	299.800.000	599.600.000

ST T	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
	<p>thực hành hà hơi thổi ngạt, hồi sinh tim phổi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các kết quả thực hành của sinh viên được lưu lại trên máy tính và có thể in ra được - Các biểu đồ thang điểm được giáo viên đưa ra để đánh giá mức độ thực hành của sinh viên làm tiền đề chấm điểm đạt hay không đạt - Phần mềm theo dõi với các thanh màu hiển thị liên tục hiệu quả của quá trình thực tập để hiệu giúp điều chỉnh thực hiện các kỹ năng - Mô hình có độ chính xác của phép đo, phản hồi và báo cáo về nhiều thông số quan trọng đối với bệnh nhân. - Hệ thống duy nhất đưa ra phản hồi hoàn chỉnh chính xác - Hệ thống cung cấp độ sâu thực và đơn giản để điều chỉnh lực cản của ngực, thực hành thực tế hơn, được phát hiện khi ngực di chuyển ra khỏi vị trí chính xác - Hà hơi thổi ngạt cung cấp hiển thị chính xác dung tích và hiển thị thời gian thực chính xác cho tỷ lệ khi cung cấp không khí. <p>Các tính năng:</p> <p>Các tính năng chất lượng cao chính xác và đầy đủ</p> <p>Phản hồi thời gian thực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu về các thanh màu - Bao gồm nhiều thông số - Hiển thị thời gian thực của kỹ năng - Hiển thị kết quả ngay sau khi hoàn thành hoạt động - Hiển thị điểm số ngay lập tức - Hiển thị biểu đồ kết quả ngay <p>Kỹ năng CPR BLS AHA</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ép tim lồng ngực: 30: 2 x 2 chu trình - Ép tim lồng ngực: 30: 2 x 4 chu trình (thời gian để thoát hơi) - Hà hơi thổi ngạt: phản hồi lại bằng lượng, tỷ lệ và khoảng thời gian nghỉ - CPR: 1 và 2 (chế độ luyện tập và kiểm tra) <p>Nhanh chóng và dễ sử dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm phản trảm ngay lập tức - Các tính năng hiển thị chỉ với một lần click chuột - Hiển thị kết quả ngay lập tức hoặc sau đó - Hiển thị biểu đồ Kết quả - Một lần click chuột để in kết quả <p>Giao diện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ chính xác khi ép tim lồng ngực được hiển thị trong thời gian thực (Độ sâu, Tốc độ, Sự dội lại, Quá sâu, Chạm đáy) - Độ chính xác của hà hơi thổi ngạt được hiển thị trong thời gian thực - Độ chính xác CPR được hiển thị trong thời gian thực - Bật hoặc Tắt phản hồi - Với phản hồi của kết quả hiển thị khi hoàn thành <p>Kiểm soát chất lượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo tên người dùng (được bảo vệ bằng mật khẩu) - Lưu nhận xét với kết quả - Lưu và in kết quả với tên - In danh sách lớp học <p>Kỹ năng BLS CPR Pro</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm đào tạo kỹ năng BLS - Phần mềm tính năng đào tạo nâng cao 				

ST T	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
	<ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm dữ liệu cơ bản QCI - Phần mềm công cụ huấn luyện viên - Nén độ sâu đầy đủ - Thông tin về lưu lượng, tốc độ và lưu lượng không khí - Điểm mốc thực tế để đánh giá vị trí bàn tay - Dữ liệu có sẵn ngay lập tức và sau đó - Đăng nhập chung nhanh - Thanh trượt kháng ngực có thể thay đổi- Dễ dàng điều chỉnh sức đề kháng của ngực, không cần mở để thay đổi lò xo - Kỹ năng thực hành cho các bệnh nhân có kích thước khác nhau - Vị trí tay cân nhắc hiệu suất - Xung động mạch cảnh <p>Modul đếm nhịp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bật và tắt máy đếm nhịp - Mặc định là tỷ lệ 110 mỗi phút - Tỷ lệ người dùng có thể lựa chọn <p>Sử dụng với màn hình ngoài</p> <ul style="list-style-type: none"> - SVGA hoặc HDMI - Sử dụng được với màn hình hoặc máy chiếu bên ngoài <p>Tùy chỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt số chu kỳ - Đặt số lần ép tim lồng ngực trong mỗi chu kỳ <p>Danh sách lớp in nhanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp danh sách kết quả - với tên, điểm, ngày (Trên PC chủ) <p>Đào tạo Hà hơi thổi ngạt đối với 30: 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện thị dung tích và tỷ lệ - Hiện thị khoảng thời gian nghỉ và tổng thời gian cho 2 lần thoát hơi <p>Đào tạo BVM</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem tỷ lệ dòng khí vào phổi - Xem BVM có được nhà chính xác hay không - Xem Dung tích có đúng không <p>Phản hồi hà hơi thổi ngạt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem dung tích khi được phân phối - Cải thiện Kỹ thuật bóp BVM - Cải thiện kiểm soát dung tích và tỷ lệ - Học cách kiểm soát nhịp thở chính xác - Phản hồi trong thời gian thực khi các kỹ năng được thực hiện - Hiện thị biểu đồ màu của các phần - Hiện thị khí lượng khí vào trong phổi - Dung tích mục tiêu - Thời gian chạy - Dòng dung tích với sự đồng bộ hóa. - Hiện thị dòng chảy vào, tạm dừng và dòng ra của không khí - Hiện thị sự nhà khí đúng BVM (mặt nạ bóp bóng). <p>Phản Kỹ năng CPR BLS</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chế độ thực hành và kiểm tra cho các hoạt động - Thực hiện các kỹ năng với bật hoặc tắt phản hồi <p>Mô-đun ép tim lồng ngực BLS</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30x2 (2 chu kỳ) Chế độ thực hành chỉ ép tim lồng ngực - 50x2 (2 chu kỳ) Chế độ thực hành chỉ ép tim lồng ngực - 100x2 (2 chu kỳ) Chế độ thực hành chỉ ép tim lồng ngực - 30x2 (2 chu kỳ) Chế độ kiểm tra chỉ nén ép tim lồng ngực 				

ST T	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượn g	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
	<ul style="list-style-type: none"> - 50x2 (4 chu kỳ) Chế độ kiểm tra chỉ nén ép tim lồng ngực - 100x4 (4 chu kỳ) Chế độ kiểm tra chỉ nén ép tim lồng ngực <p>Mô-đun BLS CPR</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 người CPR (2 Chu kỳ 30: 2) Chế độ luyện tập - 2 người CPR (5 Chu kỳ 30:2) Chế độ luyện tập - 1 người CPR (4 Chu kỳ 30:2) Chế độ kiểm tra - 2 người CPR (10 Chu kỳ 30:2) Chế độ kiểm tra - 2 người CPR (5 Chu kỳ 30:2) Chế độ luyện tập <p>Phần giao diện CPR (BLS & ALS)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đăng nhập: thực hành, chung, tên nhóm, tên cá nhân - Chế độ: Kiểm tra, tự kiểm tra, chế độ kiểm tra - Dạng đào tạo: Tiêu chuẩn, nâng cao - Dạng điểm: Giá trị đối với bệnh nhân, sự tuân thủ, so với những người khác - Kết quả: Được lưu trữ trên ổ cứng, có thể truy cập ngay lập tức <p>Phần quản lý dữ liệu cơ bản QCI</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đăng nhập tên - Đăng nhập thực hành - Tự động căn chỉnh mô hình - Tự động phát hiện cài đặt mô hình và cảm biến - Tự động cập nhật phần mềm - Tự động lưu kết quả - Đăng ký người dùng - Đăng ký kết quả và gửi đến cloud - Mô đun đăng ký - Nhận dạng riêng biệt - Đăng ký đăng nhập chung, theo nhóm hoặc cá nhân - Mô đun dữ liệu - Lưu trên máy - Mô đun phân tích thao tác - Điểm thực hành - Phân tích biểu đồ ép tim lồng ngực với độ sâu, tỷ lệ và sự dội lại. - Phân tích biểu đồ hà hơi thổi ngạt với dung tích, tỷ lệ và sự nhả - Mô đun hiển thị trên màn hình máy tính, trên monitor ngoài - Mô đun in nhanh QCI - Danh sách chung với tên, ngày và điểm số - Chiết xuất kết quả nhóm ra excel <p>Tính năng đào tạo cơ bản</p> <p>Khởi động lại hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích đơn để dừng hoặc khởi động lại hoạt động - Kích đơn để người tiếp theo làm hoạt động tương tự <p>Căn chỉnh màn hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kéo màn hình về kích thước bất kỳ - Phù hợp với monitor bên ngoài - Nút tự chỉnh kích thước tự động <p>Truy cập không cần mô hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mang máy tính về văn phòng và kiểm tra kết quả hoặc tạo đăng nhập - Tạo biểu đồ kết quả - Kết xuất dữ liệu. <p>Tính năng đào tạo nâng cao</p> <p>Metronome bật/ tắt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên điều chỉnh tỷ lệ ép tim lồng ngực 				

ST T	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượn g	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
	<ul style="list-style-type: none"> - Mô - đun đếm nhịp để hà hơi thổi ngạt - Sinh viên điều chỉnh tỷ lệ và thời gian hà hơi có thể bật hoặc tắt trong quá trình đào tạo - Có thể cài đặt theo tỷ lệ <p>Tắt / bật Phản hồi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dữ liệu được lưu cả khi phản hồi bật/tắt - Hiện thị điểm và dữ liệu khi hoàn thành khi phản hồi tắt - Cho phép giảng viên giao nhiệm vụ để đánh giá khách quan <p>Tạm dừng khi đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho phép người hướng dẫn tạm dừng hoặc tiếp tục đào tạo - Được hiển thị trong thời gian thực của mã - Đáp ứng chất lượng CPR được thực hiện <p>Kích đơn để nén file kết quả hoặc file đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi file nén đến địa chỉ mail được chọn - Tập hợp và gửi kết quả dễ dàng - Không cần kết nối với mô hình <p>Kích đơn để tạo danh sách</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo danh sách tên, điểm và ngày - Tạo bản ghi đối với người đã hoàn thành xong <p>Hiện thị chuyển giao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra phản ứng chu trình đối với kỹ năng - Chỉ ra thời gian cho cả hoạt động <p>Thay đổi tham số kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho phép đặt số chu kỳ và số lần ép tim lồng ngực - Tùy chỉnh tham số <p>Công cụ đào tạo:</p> <p>Công cụ đăng nhập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo đăng nhập mà không cần mô hình - Tạo đăng nhập mà không cần Internet - Sắp xếp theo số, tên và ID đăng nhập - Đăng nhập qua lớp học - Sắp xếp qua lớp học và chỉ xem học sinh trong lớp đó <p>Công cụ dành cho giảng viên (Gửi kết quả)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự động tạo một tệp Zip của tất cả các kết quả - Dễ dàng gửi tất cả kết quả đến một địa chỉ email - Lưu trữ nhanh kết quả <p>Công cụ dành cho giảng viên (Công cụ dành cho nhóm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo nhiều lần đăng nhập cùng một lúc - Xác minh các thông tin đăng nhập đã được tạo chính xác - Tạo lớp học với sinh viên - Xác minh Lớp học với học sinh đã được tạo chính xác - Đăng ký sinh viên không cần mô hình - Đăng ký trước khi sinh viên đến - Chèn mã khóa tự động - Đăng ký số lượng lớn - Tự động liên kết đến video hướng dẫn <p>Công cụ tạo lớp học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo tài khoản lớp - Lọc bảng lớp - Đăng nhập sinh viên đối với lớp học - In kết quả cho từng lớp - Kết xuất kết quả ra excel <p>Chất lượng đào tạo theo nhóm</p>				

ST T	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích biểu đồ chi tiết - Báo cáo thời gian chuyển giao - Tương tác giữa ép tim lồng ngực và hà hơi thổi ngạt Đánh giá kết quả - Xem lại kết quả ngay lập tức hoặc vào thời gian sau - Xem xét kết quả học sinh bất kỳ - Chọn kết quả theo ngày - Không cần mô hình để xem xét kết quả - Xuất sang Excel - Chọn kết quả theo kỹ năng thực hiện - Tạo nhanh danh sách lớp với điểm - Tạo danh sách lớp với tên và điểm - Tạo nhanh biểu đồ kết quả Quan sát, lưu trữ và in kết quả - Tổng điểm số - Quan sát phân tích chi tiết - Biểu đồ ép tim lồng ngực với độ sâu, tỷ lệ và sự nở ra - Biểu đồ hà hơi thổi ngạt với dung tích và tỷ lệ Kết xuất ra excel: - Tạo đồ thị kết quả - Lọc và in báo cáo - Kết xuất điểm và bản ghi đào tạo In kết quả nhanh - Danh sách kết quả với tên, điểm và ngày - Không cần kết nối mô hình - In danh sách kết quả - Danh sách được chỉnh sửa và chiết xuất kết quả ra excel Thực hành ép tim lồng ngực với kết quả được hiển thị trên màn hình: - Hiển thị phân hồi chiều sâu ép tim lồng ngực: <ul style="list-style-type: none"> + Chiều sâu ép đúng: từ 5 cm đến 6 cm + Chiều sâu ép quá sâu (quá mạnh) > 6 cm + Chiều sâu ép quá nông (quá nhẹ) < 5 cm + Thanh màu xanh nhạt thể hiện chiều sâu ép đúng + Thanh màu đỏ thể hiện tốc độ ép quá chậm + Thanh màu cam thể hiện tốc độ ép quá nhanh + Thanh màu xanh đậm thể hiện chiều sâu ép không đủ sâu + Thanh màu đỏ xuất hiện tại khu vực chiều sâu ép 6 cm thể hiện chiều sâu ép quá sâu Thực hành hà hơi thổi ngạt với kết quả được hiển thị trên màn hình: - Dung tích hà hơi thổi ngạt đúng: từ 0,5 L đến 0,7 L - Dung tích hà hơi thổi ngạt quá nhiều (quá mạnh) > 0,7 L - Dung tích hà hơi thổi ngạt quá ít (quá yếu) < 0,5 L - Thanh màu xanh nhạt: hà hơi thổi ngạt đúng - Thanh màu đỏ thẳng đứng: tốc độ hà hơi thổi ngạt quá chậm - Thanh màu đỏ ngang: khoảng thời gian nghỉ quá dài - Thanh màu cam thẳng đứng: tốc độ hà hơi thổi ngạt quá nhanh - Thanh màu cam ngang: khoảng thời gian nghỉ quá ngắn - Thanh màu xanh đậm: tỷ lệ hà hơi thổi ngạt đúng nhưng không đủ dung tích 				
14	Máy khí dung Cung cấp bao gồm	Cái	10	1.480.000	14.800.000

ST T	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
	<ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái - Túi đựng: 01 cái - Miếng lọc: 05 cái - 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng <p><u>Thông số kỹ thuật</u></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kích thước máy: 158 (rộng) x 100 (cao) x 175 (dày) mm 2. Trọng lượng: 1,9 kg 3. Tốc độ phun khí: 0,4 ml/phút. 4. Dung tích cốc thuốc: 7ml 5. Kích thước hạt: 5 micron 				
15	<p>Máy đo đường huyết</p> <p><u>Cung cấp bao gồm</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái - Bút lấy máu, - Kim lấy máu: 10 cái - Que thử: 10 que - 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng <p><u>Thông số kỹ thuật</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đo sẽ có độ chính xác cao máy góp phần loại bỏ yếu tố sai số do Icodextrin, Maltose Maltotriose, Maltotetraosen và dải Hematocrit (tỷ lệ hồng cầu), nâng tỷ lệ chính xác lên 20% - 70%. - Thời gian cho kết quả hiển thị sau 5 giây. Mỗi lần đo chỉ cần lượng máu thử là 0.3 μL. - Đơn vị đo mmol/L hoặc mg/dL. 	Cái	10	1.200.000	12.000.000
16	<p>Máy Monitor theo dõi người bệnh thông thường</p> <p><u>Cung cấp bao gồm</u></p> <p>Máy chính: 01 cái</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ Cáp ECG 5 điện cực: 01 cái - Miếng dán điện cực: 25 cái - Cảm biến và dây nối SPO2 : 01 cái - Bao đo và dây nối huyết áp không xâm lấn: 01 cái - Cảm biến nhiệt độ qua da: 01 cái - Bộ nguồn và cáp sạc pin : 01 cái - Pin sạc lại (gắn sẵn trong máy) : 01 cái - 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng <p><u>Tính năng kỹ thuật</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình màu cảm ứng TFT 12.1 inch; Độ phân giải: 800x600 pixels - Đo ECG chính xác ngay cả khi bệnh nhân sử dụng pacemaker - Phân tích sóng ST, phát hiện 16 loại loạn nhịp khác nhau - Bảo vệ 2 lần áp lực bơm NIBP - Điều chỉnh áp lực bơm thông minh - Móc treo thông minh giúp máy có thể làm việc ở nhiều vị trí khác nhau. - Thời gian làm việc lên đến ≥ 5 giờ với pin có sẵn trong máy - Đầu vào điện DC 12-15V phù hợp với khi đặt máy trên xe cứu thương - Kết nối giám sát qua màn hình trung tâm. - Trích xuất dữ liệu lâm sàng theo tiêu chuẩn HL7 - Âm báo ($45 \leq$ Âm báo ≤ 85dB), âm phím báo, âm sóng QRS, âm PR - Khoảng cách âm báo: Tắt, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 giây. Cài đặt mặc định là 4 giây. - Thời gian tạm dừng âm báo: 1, 2, 3, 4, 5, 10, 15 phút hoặc 	Cái	2	56.000.000	112.000.000

ST T	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượn g	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
	<p>vĩnh viễn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu dữ liệu: ≥ 168 giờ. Độ phân giải: 1 phút - ≥ 200 sự kiện báo động sinh lý, ≥ 100 báo động kỹ thuật - Kết quả đo NIBP ≥ 1000 nhóm <p>Thông số SPO2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dải đo 0 ~ 100% - Độ chính xác (70 ~ 100%): + Người lớn/trẻ em: $\leq \pm 2\%$ + Trẻ sơ sinh: $\leq \pm 3\%$ - Độ chính xác (0 ~ 69%): không xác định - Chỉ số tưới máu: 0.05 đến 20% - Dải đo nhịp tim: 25 ~ 250 nhịp/phút <p>Thông số hô hấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đo: Trờ kháng xuyên ngực - Dải đo: 0 ~ 120 lần/phút - Tốc độ quét: 6.25, 12.5, 25 mm/s <p>Thông số ECG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu lead: 5 lead - Gain tùy chọn: 0.125, 0.25, 0.5, 1, 2 ,tự động - Tốc độ quét: 12.5, 25, 50 mm/s - Bộ lọc: + Chế độ chuẩn đoán: 0.05 ~ 130 Hz + Chế độ giám sát: 0.5 ~ 40 Hz + Chế độ phẫu thuật: 1 ~ 25 Hz + Chế độ mạnh: 5 ~ 20 Hz - Dải đo nhịp tim + Người lớn: 15 ~ 300 nhịp/phút + Trẻ em/trẻ sơ sinh: 15 ~ 350 nhịp/phút <p>Thông số NIBP</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đo: Đo dao động tự động - Các chế độ làm việc: Bằng tay/tự động/ liên tục - Tham số đo: Tâm thu, tâm trương, trung bình - Dải đo tâm thu: + Người lớn: : 40 – 270 mmHg + Trẻ em: 40 – 200 mmHg + Trẻ sơ sinh: 40 – 130 mmHg - Dải đo tâm trương: Người lớn: 10 – 210 mmHg Trẻ em: 10 – 160 mmHg Trẻ sơ sinh: 10 – 90 mmHg - Dải đo trung bình: Người lớn: 20 – 230 mmHg Trẻ em: 20 – 175 mmHg Trẻ sơ sinh: 20 – 100 mmHg <p>Thông số nhiệt độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đo: Điện trở nhiệt - Chế độ hoạt động: Trực tiếp - Dải đo: 0 ~ 50°C - Tham số đo: T1, T2 và TD - Độ phân giải: 0.1°C - Độ chính xác: $\leq \pm 0.1^\circ\text{C}$ - Pin: Kiểu pin Li-ion (4400mAh) - Thời gian sử dụng: 5 giờ 				

ST T	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
	- Thời gian sạc đầy: 4 giờ				
17	Nhiệt kế điện tử Cung cấp bao gồm <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt kế chính: 01 cái - 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng Thông số kỹ thuật <ul style="list-style-type: none"> - Có thể đo ở miệng, nách hoặc hậu môn. - Chính xác hơn tới 0.1°C - Đo nhanh, sau 60 giây. - Có nhớ kết quả đo trước - Có tín hiệu báo kết quả - Không thấm nước - Kích thước máy: 19,4 (rộng) x 132,5 (dài) x 10 (dây) mm - Kết quả hiện 3 chữ số + °C và 0,1 °c 	Cái	10	128.000	1.280.000
18	Máy đo huyết áp điện tử Cung cấp bao gồm <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái - Bao quần tay: 01 cái - Dây nguồn: 01 bộ - 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng Thông số kỹ thuật <ul style="list-style-type: none"> - Van xả hơi nhanh cho quá trình đo nhanh. - Màn hình LCD lớn, dễ đọc kết quả đo. Giới hạn đo: <ul style="list-style-type: none"> - Huyết áp: từ 0 đến 299 mmHg. - Nhịp tim: từ 40 đến 180 nhịp/phút. Độ chính xác: <ul style="list-style-type: none"> - Huyết áp: +- 3 mmHg. - Nhịp tim: +- 5 %. 	Bộ	10	800.000	8.000.000
19	Tủ đựng dụng cụ Cung cấp bao gồm <ul style="list-style-type: none"> - Tủ chính: 01 cái Đặc tính kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu chính: inox - Quy cách: Tủ thuốc y tế Cao 1600mm, Rộng 800mm, sâu 400mm - Khung tủ thuốc y tế làm bằng Inox vuông 25x25x0.6mm, khung cánh tủ làm bằng -- Inox 20x20x0.4mm - Tầng trên tủ thuốc y tế cao 925mm, mặt sau được bọc bằng Inox tấm 0.5mm, 2 mặt hai bên và 2 cánh cửa được bao bọc bằng kính trong dày 3mm, kệ để thuốc làm bằng kính trong dày 5mm - Tầng dưới cao 525mm được bọc xung quanh Inox tấm 0.5mm, có 2 cánh cửa Inox - phù hợp với tầng dưới, có tay cầm và khóa - Chân tủ cao 150mm có đệm cao su 	Cái	1	3.738.000	3.738.000
	Tổng cộng				2.964.696.000